**UBND HUYỆN CẦN GIỜ**

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC**

**NGHỀ NGHIỆP – GIÁO DỤC**

**THƯỜNG XUYÊN**

**---------------**

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM HỌC 2022 – 2023**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tuyển sinh lớp 10, 11, 12**  **- hệ Giáo dục thường xuyên** | **2.** **Tuyển sinh đào tạo thường xuyên,**  **đào tạo sơ cấp** | **3. Tuyển sinh phối hợp đào tạo** |
| **1.1. Đối tượng tuyển sinh:**  **Học sinh đã tốt nghiêp Trung học cơ sở (THCS) hoặc bỏ học Trung học phổ thông, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh.**  **1.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển (xét học bạ).**  **1.3. Hồ sơ xét tuyển gồm:**  **+ Học bạ (Bản chính);**  **+ Bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THCS (đối với học viên đăng ký học chương trình lớp 10, 11, 12);**  **+ Bản phôtô hộ khẩu thường trú; Chứng minh nhân dân (nếu có);**  **+ Bản sao Giấy khai sinh;**  **+ Đơn xin nhập học theo mẫu của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên phát hành.**  **- 04 ảnh màu 4x6;**  **+ Các loại giấy tờ liên quan đến chế độ ưu tiên, ưu đãi, khuyến khích (bản phô tô công chứng).**  **1.4. Học phí và chính sách hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ** | 2.1. Ngành nghề đào tạo:   |  |  | | --- | --- | | - Cắt gọt kim loại  - May gia đình  - Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện  - Lắp đặt điện nội thất  - Tiện  - Hàn | - Tin học văn phòng  - Làm bánh kem  - Nấu ăn  - May công nghiệp  - May dân dụng  - Chăm sóc móng |   2.2. Đối tượng:  Người dân trong độ tuổi lao động (Nam từ đủ 15 – 60 tuổi, nữ từ đủ 15 - 55 tuổi), có hộ khẩu thường trú tại huyện Cần Giờ, chưa qua đào tạo nghề.  2.3. Chính sách đối với người học:  Lao động nông thôn trong địa bàn huyện Cần Giờ được hỗ trợ học phí theo quy định.  2.4. Thời gian khai giảng: Từ ngày 10 đến 15 hàng tháng hoặc khi đủ số lượng mở lớp.  2.4. Hồ sơ đăng ký học nghề gồm:   |  |  | | --- | --- | | - Đơn xin học nghề  - Sơ yếu lý lịch  - 04 ảnh màu 3 x 4 | Theo mẫu, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. | | **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giờ phối hợp với các trường trung cấp, cao đẳng, … đào tạo các lớp Trung cấp hệ chính quy học tại Trung tâm như sau:**  **3.1. Các ngành nghề đào tạo:**  **- Kế toán doanh nghiệp - Chế biến và bảo quản thủy sản**  **- Công nghệ thông tin - Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt**  **- Điện công nghiệp - Nghiệp vụ nhà hàng – Khách sạn**  **- Hướng dẫn du lịch - Kỹ thuật xây dựng**  **3.2. Đối tượng tuyển sinh trung cấp:**  **- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên;**  **- Có hộ khẩu thường trú tại Cần Giờ;**  **- Có sức khỏe phù hợp với ngành nghề đào tạo;**  **3.3. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển (học bạ Trung học cơ sở);**  **3.4. Hồ sơ xét tuyển:**  **- Phiếu đăng ký tuyển sinh trung cấp.**  **- Giấy khai sinh (bản sao).**  **- Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THCS (02 bản sao).**  **- Học bạ (02 bản sao).**  **- 04 ảnh màu 3x4 (phía sau ảnh ghi rõ họ, tên, ngày sinh).**  **- 01 bản sao Hộ khẩu thường trú.**  **3.5. Học phí và chính sách hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ** |

**Địa điểm đăng ký và học: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giờ.**

**Địa chỉ: Ấp Bình An, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, TP. HCM (Kho lúa cũ). Điện thoại: 0973 202 419 gặp cô Bé hoặc 0918 843 303 gặp thầy Út.**

|  |
| --- |
| **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN**  ***(Theo Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ)***  **I. Đối tượng áp dụng:** Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  **II. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:**  1. Người khuyết tật: Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.  2. Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.  3. Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.  4. Người thuộc hộ cận nghèo: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.  5. Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.  6. Riêng ngư dân học các nghề: Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo và thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ.  7. Trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.  8. Mức chi phí đào tạo cho từng nghề và mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng phê duyệt phù hợp với chương trình, thời gian đào tạo thực tế và đặc thù của từng vùng, địa phương.  Đối với những nghề có chi phí đào tạo thực tế lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Điều này, các địa phương, cơ sở đào tạo chủ động xây dựng phương án huy động nguồn kinh phí bổ sung từ ngân sách địa phương, hỗ trợ của doanh nghiệp, đóng góp của người học và nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác để bảo đảm chi phí đào tạo.  9. Ngoài các đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tùy theo điều kiện, khả năng ngân sách địa phương, bố trí và huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ thêm cho các đối tượng khác có nhu cầu học nghề.  **III. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại**  1. Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.  2. Mức hỗ trợ:  a) Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.  b) Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.  Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.  3. Ngoài những đối tượng và mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này, các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở đào tạo tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo. |